TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 -11 - 2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong;

Ông Huỳnh Văn Miên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị P; Cư trú tại: Ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T;

Chỗ ở hiện nay: Số 43, Đường Cách Mạng T, Phường Phước T, tỉnh Bà R - Vũng T (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T; Cư trú tại: Ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị P và anh Lưu Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 11 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tú, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn cho anh chị nhưng không thành. Hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015.

Về tài sản chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận.

Chị Lý Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Văn T.

- Về con chung: Chị Lý Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015 đến khi đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29 tháng 9 năm 2021 chị P thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cháu Lưu Chí T hiện do anh T đang nuôi, chị P đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn anh Lưu Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn thường xuyên vắng nhà và không có người thân nhận thay, nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định phân công Hội thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị P và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu, từ đó anh chị không còn sống chung cho đến nay; Về con chung tên Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm

2015 hiện nay cháu T đang sống chung với anh T, chị P cũng đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tài sản chung và nợ chung chị P và anh T tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lý Thị P và anh Lưu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 100/I/2016 ngày 16 tháng 11 năm 2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

[5] Xét lý do xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị P và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị P và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cách nay khoảng 02 năm, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn cho anh chị nhưng không thành, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn

sống chung với nhau từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh T không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị P xin ly hôn, cho thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh T cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị P và anh T có 01 con chung tên Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015, hiện nay cháu T đang sống chung với anh T. Xét thấy, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau thì cháu T sống chung với anh T, do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, về mặt tình cảm thì cháu T gắn bó và yêu mến anh T nhiều hơn chị P, điều kiện chăm sóc của anh T thuận lợi hơn chị P, hiện nay cuộc sống của anh T và cháu T đã ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần. Hơn nữa tại đơn xin xét xử vắng mặt chị P cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[7] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị P và anh Lưu Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Chí T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007507 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ T, huyện Mỹ T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh